**KHUNG MA TRẬN – ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – TOÁN 6**

*(Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp TL và TNKQ)*

**A. Ma trận:** *(Toán 6: ĐS + HH)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | | | **Tổng cộng** |
| **Cấp độ thấp** | | | **Cấp độ cao** | |
| TNKQ | TL | | TNKQ | | TL | | TNKQ | | TL | TNKQ | TL |  |
| **Chủ đề 1:**  **Thống kê và Xác suất** |  | | | Biết cách đọc số liệu trong bảng số liệu và biểu đồ tranh. | | | | Vận dụng được công thức tính xác suất thực nghiệm vào giải bài toán thực tế. | | |  | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | | 2 (c7,c8)  1,0  10% | | |  |  | 2 (B2.a.b)  2,0  20% | |  |  | **4**  **3,0**  **30%** |
| **Chủ đề 2:**  **Phân số** | Nhận biết được phân số, phân số bằng nhau, số đối của một phân số. | | | Biết cách sử dụng các qui tắc và tính chất để cộng, trừ, nhân, chia phân số. | | | |  | | | Vận dụng được các tính chất của phân số để tính tổng của một dãy phân số. | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 3 (c1,c2,c3)  1,5  15% | |  |  | 4 (B1.a.b.c.d)  2,0  20% | | |  | |  |  | 1 (B4)  0,5  5% | **8**  **4,0**  **40%** |
| **Chủ đề 3:**  **Điểm-Đường thẳng-Đoạn thẳng** | Nhận biết được điểm thuộc dường thẳng, trung điểm của một đoạn thẳng, hai đường thẳng song song. | | | Biết cách vẽ đoạn thẳng và trung điểm của một đoạn thẳng. | | | | Vận được kiến thức về đoạn thẳng để vẽ đúng hình theo yêu cầu và tính được độ dài của một đoạn thẳng. | | |  | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 3 (c4,c5,c6)  1,5  15% | |  |  | 2 (B3.a.b)  1,0  10% | | |  | | 1 (B3.c)  0,5  5% |  |  | **6**  **3,0**  **30%** |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **6**  **3,0**  **30%** | | | **8**  **4,0**  **40%** | | | | **3**  **2,5**  **25%** | | | **1**  **0,5**  **5%** | | **18**  **10,0**  **100%** |

***\* Chú thích:***

a) Đề được thiết kế với tỉ lệ:

- 30% nhận biết + 40% thông hiểu + 25% vận dụng (1) + 5% vận dụng(2).

- Hình thức: 40% trắc nghiệm khách quan (TNKQ) + 60 % tự luận (TL)

b) Cấu trúc bài: 2 phần: TNKQ (8 câu) + TL (4 bài – 10 câu) = 18 câu

c) Cấu trúc câu hỏi: 18 câu

**ĐỀ**

***I. Phần trắc nghiệm:*** (4 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời **ĐÚNG.**

**Câu 1:** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số.

A. B. C. D.

**Câu 2:** Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số .

A. B. C. D.

**Câu 3:** Số đối của phân số là.

A. B. C. D.

**Câu 4:** Đường thẳng a chứa những điểm nào.

c

S

a

b

N

M

A. M, N B. M, S C. N, S D. M, N, S

**Câu 5:** Cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết AB = 10 cm, độ dài của đoạn MA là.

A. 5 cm B. 10 cm C. 15 cm D. 20 cm

**Câu 6:** Hình vẽ sau có mấy cặp đường thẳng song song.

e

b

a

c

d

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

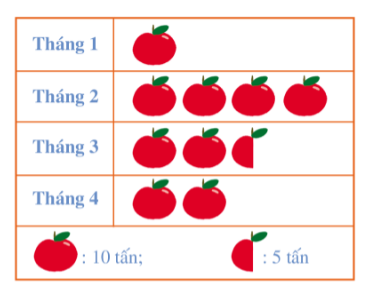
**Câu 7:** Bảng số liệu đánh giá chất lượng sản phẩm bằng điểm số 1; 2; 3; 4; 5 của một lô hàng gồm 20 sản phẩm như sau.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Số sản phẩm | 0 | 0 | 3 | 5 | 12 |

Hỏi có bao nhiêu sản phẩm được đánh giá chất lượng 5 điểm.

A. 0 B. 3 C. 5 D. 12

**Câu 8:** Cho biểu đồ tranh sau.



Hỏi tháng 2 siêu thị bán được bao nhiêu tấn Táo.

A. 10 tấn B. 20 tấn C. 25 tấn D. 40 tấn

***II. Phần tự luận:*** (6 điểm)

**Bài 1:** ( 2,0 điểm) Tính.

a) b) c) d)

**Bài 2:** (2,0 điểm) Trả lời các câu hỏi sau.

a) Nếu gieo một con xúc sắc 16 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt 2 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 2 chấm bằng bao nhiêu.

b) Nếu tung đồng xu 30 lần liên tiếp, có 14 lần xuất hiện mặt S ( sấp) thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N ( ngửa) bằng bao nhiêu.

**Bài 3:** (1,5 điểm) Vẽ hình theo yêu cầu sau. (ba câu a, b, c cùng vẽ trên 1 hình)

a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 6 cm.

b) Vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB.

c) Vẽ đoạn thẳng BC sao cho BC = 4cm. So sánh độ dài của đoạn thẳng MB và BC.

**Bài 4:** (0,5 điểm) Cho tổng

So sánh tổng S và 1.

**C. Đáp án và thang điểm:**

***I. Phần trắc nghiệm:*** (4,0 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| B | C | D | B | A | C | D | D |

***II. Phần tự luận:*** (6,0 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BÀI** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | a | a) | 0,5 |
| b | b) | 0,5 |
| c | c) | 0,5 |
| d | d) | 0,5 |
| **2** | a | Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 2 chấm là | 1,0 |
| b | Số lần xuất hiện mặt N là: 30 – 14 = 16 (lần)  Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là: | 0,5  0,5 |
| **3** | a | C  B  A  .  .  .  6 cm  4 cm  Do M là trung điểm của đoạn thẳng AB  Nên MB = 6 : 2 = 3 cm  Vì 3cm < 4cm nên MB < BC | 0,5 |
| b | 0,5 |
| c | 0,5 |
| **4** |  | Ta có | 0,25  0,25 |